

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA
VINA SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
Số/ No.: 09/2021/CBTT/VNSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness
---oOo---

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
INFORMATION DISCLOSURE ON ELECTRIC PORTAL OF SSC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
To: - State Securities Commission

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA
Company name: VINA SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
Mã chứng khoán: không có
Stock code: none
Trụ sở chính: Phòng 25.02, Tầng 25 Tòa nhà Deutsches Haus Tp.HCM, 33 Lê Duẩn,
Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Head office address: Room 25.02, 25F Deutsches Haus HCMC, 33 Le Duan, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City
Điện thoại: 028 3520 2388 Fax: 028 3520 2019
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Na Sungsoo – Người đại diện theo pháp luật
The discloser: Mr. Na Sungsoo – The Legal Representative
Điện thoại (Tel): 028 3520 2388 Fax: 028 3520 2019
Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
Type of disclosure: 24h 72h On request Irregular Regular.

Nội dung thông tin công bố

Content of disclosure:

Công ty cổ phần Chứng khoán Vina công bố Báo cáo thường niên năm 2020.

Địa chỉ trang thông tin điện tử đăng tải toàn bộ báo cáo:

The information disclosure is published on:

<http://vinasecurities.com/>; Mục Công Bố Thông Tin/Information Disclosure

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



We hereby commit to the information above is true and fully take responsible for the contents of this disclosure.

Ngày 16 tháng 04 năm 2021

Người đại diện theo pháp luật/ *Legal Representative*
Chủ tịch HĐQT – TGD/ *Chairman & CEO*



Handwritten signature in blue ink.

NA SUNGSOO



CTCP CHỨNG KHOÁN VINA
VINA SECURITIES JSC

Số: BCTN/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Tp Hồ Chí Minh, ngày/day 16 tháng/month 04 năm/year 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 2020 ANNUAL REPORT

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

To: State Securities Commission

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Thông tin khái quát/ Overview

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA
Trading name	VINA SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 50/UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp. <i>License of establishment No.50/UBCK-GPHĐ dated 29thDecember 2006 issued by State Securities Commission.</i>
Business License No.	
Vốn điều lệ	273,599,980,000 Đồng
Charter Capital	Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi ba tỷ năm trăm chín mươi chín triệu chín trăm tám mươi nghìn Đồng <i>In words: Two hundred seventy-three billion five hundred ninety-nine million nine hundred eighty thousand Vietnam Dongs)</i>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	273,599,980,000 Đồng
	Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi ba tỷ năm trăm chín mươi chín triệu chín trăm tám mươi nghìn Đồng

Total investment amount of the owner In words: Two hundred seventy-three billion five hundred ninety-nine million nine hundred eighty thousand Vietnam Dongs)

Địa chỉ Phòng 25.02, Tầng 25 Tòa nhà Deutsches Haus, 33 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Address R25.02, 25F Deutsches Haus, 33 Le Duan St., Ben Nghe Ward, Dist. 1, Ho Chi Minh City

Số điện thoại 028 3520 2388 Fax: 028 3520 2019

Telephone

Website <http://www.vinasecurities.com>

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay)

Establishment and development process (Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now).

12/2006 VinaSecurities được cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán.

VinaSecurities was granted the certificate to establish and conduct securities business.

03/2007 VinaSecurities được công nhận là thành viên lưu ký.

VinaSecurities was recognized as a depository member.

05/2007 VinaSecurities được công nhận là thành viên của Sở Giao Dịch Chứng khoán Hà Nội.

VinaSecurities was recognized as a member of the Hanoi Stock Exchange.

08/2007 VinaSecurities được công nhận là thành viên của Sở Giao Dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

VinaSecurities was recognized as a member of the Ho Chi Minh Stock Exchange.

02/2008 Được chấp nhận nguyên tắc tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng.

Be adopted the approval of SSC of increasing charter capital to VND 300 billion.

10/2008 Được chấp nhận thành lập chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh.

Be approved to establish a branch in Ho Chi Minh City.

- 03/2009 Được chấp nhận cho rút bớt nghiệp vụ tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán và điều chỉnh vốn điều lệ thành 100 tỷ.
Be approved the withdrawal of self-trading and securities issuance guarantee and amended its charter capital to VND 100 billion.
- 09/2009 VinaSecurities thay đổi trụ sở đặt tại TP Hồ Chí Minh và chi nhánh đặt tại Hà Nội.
VinaSecurities changed its headquarters' location to Ho Chi Minh City and its Hanoi office to a branch.
- 04/2010 VinaCapital chính thức trở thành cổ đông lớn của VinaSecurities.
VinaCapital officially became a major shareholder of VinaSecurities.
- 10/2010 Được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 185 tỷ đồng.
Be approved to increase the charter capital to 185 billion VND.
- 10/2010 Ký kết hợp đồng hợp tác toàn diện độc quyền với Công ty chứng khoán Macquarie Capital, thành viên của Tập đoàn Tài chính Toàn cầu Macquarie (MQG).
Signed an exclusive comprehensive cooperation agreement with Macquarie Capital Securities, a member of the global financial corporation Macquarie Group (MQG).
- 05/2011 VinaSecurities đóng cửa chi nhánh tại Hà Nội.
VinaSecurities closed its Hanoi branch.
- 06/2011 VinaSecurities thành lập Văn phòng Đại diện tại Hà Nội.
VinaSecurities established a Representative Office in Hanoi.
- 03/2013 VinaSecurities thay đổi địa điểm văn phòng đại diện tại Hà Nội.
VinaSecurities changed the representative office's location in Hanoi.
- 10/2015 VinaSecurities chấm dứt tư cách thành viên tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM
VinaSecurities terminated its membership at the Ho Chi Minh Stock Exchange
- 11/2015 VinaSecurities chấm dứt tư cách thành viên tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
VinaSecurities terminated its membership at the Hanoi Stock Exchange.
- 11/2015 VinaSecurities đóng cửa văn phòng đại diện Hà Nội.

	<i>VinaSecurities closed the Hanoi representative office.</i>
12/2015	VinaSecurities chấm dứt tư cách thành viên lưu ký với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. <i>VinaSecurities terminated its depository membership with Vietnam Securities Depository Center.</i>
01/2016	VinaSecurities rút nghiệp vụ Môi giới chứng khoán và Lưu ký chứng khoán. <i>VinaSecurities withdrew securities brokerage and depository services.</i>
03/2019	Chuyển đổi toàn bộ cơ cấu cổ đông sang 100% vốn nước ngoài. <i>Converted shareholder structure to 100% foreign capital.</i>
09/2019	Được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 273.599.980.000 Đồng. <i>Be approved charter capital increase to VND 273,599,980,000.</i>
10/2019	Được chấp thuận bổ sung nghiệp vụ kinh doanh môi giới chứng khoán và tự doanh chứng khoán. <i>Approved additions of securities brokerage and self-trading services.</i>
01/2020	Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thành lập Văn phòng đại diện tại Hà Nội. <i>Approved by the State Securities Commission to establish a Representative Office in Ha Noi</i>
03/2020	Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thành lập Văn phòng đại diện tại Seoul, Hàn Quốc. <i>Approved by the State Securities Commission to establish a Representative Office in Seoul, Korea.</i>
04/2020	Thành lập văn phòng đại diện Hàn Quốc <i>Established Seoul R.O.</i>
07/2020	Được chấp thuận thay đổi Người đại diện theo pháp luật (Ông Na Sungsoo) <i>Be approved changing the Legal Representative (Mr. Na Sungsoo)</i>
12/2020	Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận việc rút nghiệp vụ tự doanh chứng khoán <i>Be approved by the State Securities Commission to withdraw securities self-trading services.</i>

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Business lines and location:

- Ngành nghề kinh doanh/*Business lines*: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

- Tư vấn tài chính và tự doanh/*Financial advisory and self-trading*.

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

- Trụ sở chính:

Headquarters:

Địa chỉ : Phòng 25.02, Tầng 25 Tòa nhà Deutsches Haus, 33 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Address: Room 25.02, 25th Floor, Deutsches Haus Building, 33 Le Duan, P. Ben Nghe, District 1, Ho Chi Minh City

Điện thoại/ *Phone* : (+84) 028 3520 2388

- Văn phòng đại diện Seoul, Hàn Quốc:

Representative office in Seoul, Korea:

Địa chỉ : Tầng 9, Tòa nhà Haesung 1, 504 Teheran, Gangnam, Seoul, Hàn Quốc

Address: 9th floor, Haesung 1 bldg, 504 Teheran-ro, Gangnam-gu, Seoul, Korea

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Governance, business model and management

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)
Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises)

- Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
The General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Supervisory Board and Board of Management

- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure*

- Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- *Chairman of the BOD as the Chief Executive Officer*
- Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
Member of the BOD as the Chief Operating Officer
- Kế toán trưởng và các trưởng bộ phận chuyên môn.
Chief Accountant and heads of divisions.
- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*
(Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết
Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies).
- Không có/*none*

4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/*Main objectives of the Company.*
 - Hoạt động kinh doanh hướng đến việc tập trung nâng cao khả năng cạnh tranh thông qua dịch vụ đa dạng, chất lượng cao và hiệu quả. Bên cạnh đó, công tác quản lý nguồn vốn và quản trị rủi ro được cho là ưu tiên hàng đầu đối với hoạt động dịch vụ cho vay tài chính và sản phẩm cấu trúc.
Business activities aim to have direct focus to competition on high quality, diversified and efficient services. Besides, capital usage and risk management are still considered top priorities for financing loan and structured products related services.
 - Mở rộng địa bàn giao dịch, bao gồm 01 trụ sở chính và 02 chi nhánh/văn phòng đại diện.
To expand business locations, including 01 head office and 02 branches/representative offices.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term*
 - Chiến lược chung/ *High-level strategies*
 - Lập kế hoạch tăng trưởng doanh nghiệp rõ ràng trong tầm trung và dài hạn thông qua liên kết cùng các ngân hàng lớn nhất Việt Nam để thuận tiện cho việc chuyển tiền từ các tổ chức tín dụng ở nước ngoài về Việt Nam.
Developing strategies for business development in medium and long term through forming partnership with key banks in Vietnam to transfer funds directly from financial institutions to Vietnam.
 - Tăng cường tính hiệu quả của việc sử dụng và mở rộng nguồn vốn bằng việc tạo mối quan hệ cùng các đối tác phát hành trái phiếu.

Optimizing the efficiency of using capital and expand business capital by reaching out to potential partner bond issuers.

- Thúc đẩy mạnh hoạt động mǎng tư vấn tài chính qua việc giới thiệu đến khách hàng những dịch vụ luôn cải tiến và đa dạng kết hợp cùng kiểm soát rủi ro với một hệ thống kiểm soát nội bộ chặt chẽ.

Strengthening financial advisory activities by diversifying products and improved quality services combined with the risk management by enhancing internal control systems.

- Củng cố năng lực của đội ngũ nhân viên thông qua các chương trình đào tạo (nội bộ và bên ngoài), đặc biệt là cho mǎng tư vấn. Thêm vào đó, KPI được đặt cho từng bộ phận và cá nhân khác nhau để tăng tính thi đua trong tập thể.

Building capacity and staff performance through regular staff training programs especially for advisory team (internal and external). KPI to be set for each departments and individuals to increase the competitiveness of the team.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Corporate objectives regarding Corporate environment, society, and community Sustainability.

- Khi Vina Securities bắt đầu tạo ra các cơ hội và giá trị kinh doanh như một công ty chứng khoán, điều quan trọng là phải nhận thức được tác động của doanh nghiệp đối với xã hội và do đó, thiết lập một tiêu chuẩn cho môi trường doanh nghiệp, xã hội và sự bền vững của cộng đồng. Chứng khoán Vina phấn đấu xây dựng một tổ chức lành mạnh, bền vững với các giá trị cốt lõi: Kiến thức, Chính trực và Chuyên nghiệp.

As Vina Securities begins to create business opportunities and values as a securities firm, it is critical to be aware of the impact that the business makes to the society and therefore, establish a standard for the corporate environment, society, and the sustainability of our community. Vina Securities strives to build a healthy, sustainable organization with our core values in practice: Knowledge, Integrity, and Professionalism.

- Knowledge/ Kiến thức
 - Chúng tôi cảm thấy rằng việc hiểu biết về các vấn đề mà chúng tôi đang phải đối mặt trong cộng đồng là một điều tối quan trọng. Nhận thức được môi trường thay đổi nhanh chóng của xã hội, Vina Securities nhằm mục đích liên tục nghiên cứu các vấn đề hiện tại và sử dụng các nguồn lực của chúng tôi để mang lại tác động tích cực cả ở tầm doanh nghiệp và cộng đồng.

We feel that it is a paramount importance to be knowledgeable about the issues that we are facing in our communities. Being aware of the rapidly changing environment of the society, Vina Securities aim to continuously study the current issues and utilize our resources to bring positive impact both in our workplaces and communities.

○ Integrity/ Chính trực

- Chúng tôi tin rằng các hoạt động kinh doanh của chúng tôi phản ánh cá nhân cũng như xã hội chúng ta. Chúng tôi cố gắng trở thành một tổ chức tận tâm để không chỉ tối đa hóa lợi nhuận cổ đông trực tiếp mà còn tạo ra những tác động tích cực đến các cộng đồng mà chúng ta đang sống.

We believe that our business practices are reflective of who we are as individual as well as a society. We strive to become an organization that is dedicated to not only maximizing our direct shareholder's return but also creating positive impacts to the communities we live in.

○ Chuyên nghiệp/ Professionalism

- Chúng tôi tìm cách thúc đẩy một cộng đồng toàn diện và minh bạch trong công sở bằng cách tuân thủ quy tắc đạo đức và luật áp dụng của công ty. Tất cả các thành viên của tổ chức, bao gồm các cổ đông, HĐQT, nhân viên và cộng sự của Vina Securities có trách nhiệm thể hiện đạo đức làm việc mạnh mẽ và là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng.

We seek to promote an inclusive and transparent community within the workplace by adhering to the company's code of ethics and applicable law. All members of the organization, including shareholders, BOD, employees, and partners of Vina Securities are responsible for demonstrating strong work ethics and be a responsible member of our community.

5. Các rủi ro/Risks:

(Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).

- Rủi ro Kinh Tế/ Economic risks

- Điều kiện kinh tế vĩ mô đóng vai trò chủ đạo trong sự phát triển của các tổ chức. Rủi ro kinh tế có thể miêu tả là rủi ro hệ thống gây ra bởi các yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố chính có tác động lớn đối với hoạt động kinh doanh bao gồm: I) tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) lãi suất.

The macroeconomic condition plays a dominant role in the development of organizations. Economic risk is characterized as a systematic risk resulted from macro components, in which major factors that are significant on business operation include: i) economic development; ii) inflation rate and iii) interest rate.

- **Rủi ro hoạt động/ Operational risks**

- Các quy trình nội bộ, con người hoặc hệ thống không đầy đủ hoặc hỏng hóc, có thể dẫn đến rủi ro hoạt động của Công ty, và do đó tổn thất tài chính. Một trong những rủi ro hoạt động nội tại là rủi ro công nghệ vì lỗi hệ thống giao dịch, cơ sở hạ tầng viễn thông và kết nối với các đối tác và các tổ chức tài chính khác được thuê ngoài từ một bên độc lập hoặc nhà cung cấp bên thứ ba. Rủi ro cũng có thể phát sinh từ hành vi sai trái hoặc sơ suất và gian lận của nhân viên, có thể dẫn đến các cuộc điều tra và buộc tội dân sự hoặc hình sự, xử phạt theo quy định và tổn hại nghiêm trọng về uy tín hoặc tài chính của công ty.

Inadequate or failed internal processes, people or systems might lead to the Company's operational risk, hence financial losses. One of inherent operational risks is technological risk as the Company's trading system core, telecommunication infrastructure and interconnectivity with counterparties and other financial institutions are outsourced from an independent party, third-party suppliers. The risk could also arise from employee misconduct or negligence and fraud, which could result in civil or criminal investigations and charges, regulatory sanctions and serious reputational or financial harm.

- **Rủi ro môi trường/ Environmental Risks**

- Hoạt động của Công ty cũng có thể bị ảnh hưởng bởi thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt và các thảm họa khác, có thể gây thiệt hại cho tài sản cũng như hoạt động của Công ty.

The Company's operations may also be affected by natural disasters such as earthquakes, epidemics, flooding and other catastrophes, which could cause damage to the property as well as the operation of the Company.

- Dịch bệnh COVID-19 là một sự kiện “đen tối” gây thiệt hại lớn cực kỳ lớn cho tăng trưởng GDP của thế giới và Việt Nam, do đó tác động tới hoạt động của Công ty. Theo Ngân hàng Thế giới, tăng trưởng GDP của thế giới năm 2020 là **-3.3%**, trong đó GDP Việt Nam tăng 2.91% và nằm trong nhóm có mức tăng trưởng cao nhất thế giới năm 2020. Tuy nhiên, tình hình dịch bệnh Covid19 và những ảnh hưởng của nó được cho là còn tiếp tục kéo dài ít nhất trong vòng 02 năm nữa khi lượng vacxin được sản xuất đủ để cung cấp cho toàn thế giới và miễn dịch cộng đồng diễn ra. Hơn nữa, kế hoạch hoạt động của Công ty phụ thuộc lớn vào các nhà đầu tư nước ngoài (Hàn Quốc là chủ yếu) trong khi dịch vụ đường bay và các yếu tố có liên quan bị ngừng hoạt động trong suốt năm 2020 và dự kiến còn kéo dài. Đây là khó khăn lớn nhất của Công ty trong việc tiếp tục các kế hoạch phát triển Công ty trong thời gian tới.

The COVID-19 epidemic is a distressing event which has caused extremely great damage to the GDP growth in Vietnam and all over the world, inevitably affecting the operation of the Company. According to the World Bank, the world's GDP growth in 2020 is -3.3%,

in which Vietnam's GDP increases by 2.91% and is among the countries with the highest growth rate in 2020. However, the pandemic and its effects are expected to continue for at least another 02 years until the vaccine is available for worldwide supply and community immunity is achieved. Furthermore, the Company's operation plan is heavily dependent on foreign investors (mainly Korean) while airway service and related factors are shut down throughout 2020 and would remain so for a long time. This is the biggest difficulty for the Company in continuing its development plan in the near future.

II. Tình hình hoạt động trong năm/*Operation status*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Situation of business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Results of business operations in the year:

Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp, ... /*specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

- Trong năm 2020, công ty có kế hoạch mở rộng hoạt động bằng việc thành lập văn phòng đại diện tại Seoul và văn phòng đại diện tại Hà Nội, tuy nhiên vì những lý do khách quan của môi trường kinh doanh và thị trường nên việc kinh doanh chưa đạt kết quả như mong muốn. Đại dịch COVID19 bùng phát đã làm ngưng các chuyến bay quốc tế và điều này gây ra khó khăn cho chúng tôi trong việc kết nối hoạt động kinh doanh với các nhà đầu tư nước ngoài. Vì lý do như vậy, nên kết quả kinh doanh tại ngày 31/12/2020 là lỗ kế toán 69,289,465,871đ, so với lợi nhuận đạt được tại ngày 31/12/2019 là 7,160,236,524đ.

In year 2020, company had plan to widen the operation by opening the representative office in Seoul and Hanoi, however due to objective reasons of market and true effect of COVID19 pandemic which has stopped all international flights and caused the direct limitation in the business with foreign investors. This leads to the unexpected business result, namely the loss as at 31 Dec 2020 is 69,289,465,871VND, being compared with the profit value 7,160,236,524VND obtained in year 2019.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/*Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/*Comparing the actual progress with the targets and the*

results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the nonachievement/achievement/excess of the targets and against the preceding years.

- Trong năm 2020, công ty chưa đạt được chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đề ra nguyên nhân chính là do đại dịch COVID19 làm cản trở kết nối với các nhà đầu tư nước ngoài, các nhà đầu tư muốn tìm hiểu về thị trường Việt Nam nhưng các đường bay quốc tế đã bị thu hẹp hoạt động nên việc di chuyển khó khăn trở ngại.

In year 2020, company did not achieve the business target due to main reason of COVID19 pandemic, which interrupt the connection with foreign investors, who wants to explore the business in Vietnam but the airlines are stopped so they cannot come.

2. Tổ chức và nhân sự/ *Organization and Human resource*

- Danh sách Ban điều hành

List of the Board of Management:

(Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers.*

- Những thay đổi trong ban điều hành

Changes in the Board of Management

(Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ *(List the changes in the Board of Management in the year).*

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.

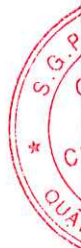
1.1. Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Management:* (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers).*

Ban Điều hành của Vina Securities bao gồm các thành viên sau / *Board of Management of Vina Securities include:*

<p>Họ tên và Chức vụ <i>Full name & Position</i></p>	<p>Tóm tắt lý lịch <i>Curriculum vitae</i></p>	<p>Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết <i>Percentage of voting shares hold</i></p>
<p>Ông/ Mr. Na Sungsoo Tổng Giám Đốc <i>General Director</i></p>	<p>Ông Na Sungsoo, chức vị Tổng Giám Đốc, quốc tịch Hàn Quốc có học vị Tiến sĩ chuyên ngành Kỹ Thuật Tài Chính tại Đại học Bang North Carolina, Hoa Kỳ. Ông có gần 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, trong đó có gần 10 năm gắn bó, làm việc tại các công ty, tập đoàn tài chính lớn chuyên về mảng Chứng Khoán đơn cử như: tập đoàn Tài Chính Morgan Stanley & Co. hay Chứng Khoán Daewoo. Trước khi gia nhập Vina, ông làm việc tại Chi nhánh Seoul của tập đoàn Morgan Stanley & Co. International Plc cấp bậc Vice President chuyên quản lý các Sản phẩm đầu tư cấu trúc. Tiến sĩ Na đã và đang là Giáo sư thỉnh giảng của Đại học Yonsei, đại học có tiếng bậc nhất Hàn Quốc. Ông đã có nhiều năm làm việc cho bộ phận Nghiên cứu Định lượng của NH Investment & Securities cũng như Chứng khoán Daewoo sau khi từng là Nghiên cứu viên của Viện Khoa học Toán học và Thống kê tại Hoa Kỳ.</p> <p><i>Mr. Na Sungsoo, General Director, Korean national with a Ph.D. in Financial Engineering at North Carolina State University, USA. He has nearly 15 years of experience in banking and finance sector, of which nearly 10 years working at major financial corporations specializing in Securities sector such as: Morgan Stanley & Co. group or Daewoo Securities. Before joining Vina, he worked at Seoul Branch of Morgan Stanley & Co. Group International Plc at Vice President level monitoring</i></p>	<p>8.39%</p>



	<p><i>structured investment products. Dr. Na has also been an adjunct professor at Yonsei University, one of the best universities in Korea. He has many year of working for the Quantitative Research department of NH Investment & Securities as well as Daewoo Securities for many years after working as a Research Fellow at the Institute of Mathematical Sciences and Statistics in the United States.</i></p>	
<p>Ông/Mr. Han Munsu Phó Tổng Giám Đốc <i>Deputy General Director</i></p>	<p>Ông Han Munsu, quốc tịch Hàn Quốc, hiện là Phó Tổng Giám Đốc của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Vina. Ông có gần 20 năm kinh nghiệm sáng lập, quản lý và vận hành hàng loạt công ty lớn nhỏ trải khắp các lĩnh vực từ Công nghệ Thông tin đến Tài chính. Ông Han Munsu nắm giữ bằng Cử nhân chuyên ngành Kỹ thuật máy tính tốt nghiệp từ Đại học danh giá Quốc gia Seoul với hơn 10 năm làm quản lý tại các công ty Tài chính, chuyên tư vấn đầu tư không chỉ tại Hàn Quốc mà còn ở các quốc gia khác, trong đó có cả ở Việt Nam, có thể liệt kê đến tập đoàn Growth & Value Development hay Công ty TNHH DLG Hanbit.</p> <p><i>Mr. Han Munsu, Korean nationality, is currently the Deputy General Director of Vina Securities JSC. He has nearly 20 years of experience in founding, managing, and overseeing a series of large and small companies spanning from Information Technology to Finance sector. Mr. Han Munsu holds a BA in Computer Engineering from the prestigious Seoul National University with more than 10 years working as directors at financial companies, specializing in investment consulting not only in Korea but also in other countries, including in Vietnam, in particular Growth & Value Development Inc. or DLG Hanbit Co. Ltd.</i></p>	0%



<p>Bà/ Ms. Vũ Thị Trâm Anh Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i></p>	<p>Bà Vũ Thị Trâm Anh, quốc tịch Việt Nam hiện đang giữ chức vụ Kế toán trưởng của VinaSecurities. Trước đây, bà đã từng là Kế toán trưởng của nhiều công ty lớn với hơn 15 năm kinh nghiệm nắm giữ nhiều vai trò liên quan đến kế toán, báo cáo tài chính và thuế. Bà tốt nghiệp bằng Cử nhân ngành Kế toán Kiểm toán của trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p><i>Ms. Vu Thi Tram Anh, Vietnamese national, currently holds the position of Chief Accountant of Vina Securities. Previously, she used to be the Chief Accountant of many large companies with more than 15 years of experience in many roles related to accounting, financial reporting, and taxation. She graduated with a bachelor's degree in Accounting and Auditing from University of Economics in Ho Chi Minh City.</i></p>	<p>0%</p>
<p>Bà/ Ms. Huỳnh Ngọc Duyên Trưởng phòng Pháp Chế & Tuân Thủ kiêm Kiểm Soát Nội Bộ <i>Legal & Compliance Manager & Internal Controller</i></p>	<p>Bà Huỳnh Ngọc Duyên, quốc tịch Việt Nam, hiện tại đang là trưởng phòng Pháp chế & Tuân thủ kiêm nhiệm vị trí Kiểm soát Nội bộ và nhân viên Chống rửa tiền tại Vina Securities. Bà Duyên có bằng Đại học Kinh tế Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM song song với các chứng chỉ hành nghề Chứng khoán chuyên nghiệp được cấp bởi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước đơn cử như Chứng chỉ hành nghề Quản Lý Quỹ và Chứng Chỉ về Quản trị công ty. Trước khi gia nhập Vina, bà đã có 5 năm làm việc tại Công ty Chứng khoán Shinhan Việt Nam từ những ngày đầu tổ chức tài chính này vận hành tại Việt Nam, tại đây, bà nắm giữ vị trí quản lý Bộ phận Pháp chế & Tuân thủ và Bộ phận Chiến lược & Kế hoạch. Trước đó. Bà Duyên còn có 5 năm kinh nghiệm làm việc tại Avnet Technology Solutions Việt Nam (thành viên của Avnet Inc.) trong Bộ phận Pháp chế & Tuân thủ.</p> <p><i>Ms. Huynh Ngoc Duyen, Vietnamese national, is currently the Manager Legal & Compliance and</i></p>	<p>0%</p>

	<p><i>concurrently holds the position of Internal Controller and Anti-Money Laundering Officer at Vina Securities. Ms. Duyen has a Bachelor of Economics and Law at National University of Ho Chi Minh City in parallel with professional securities practice certificates issued by the State Securities Commission such as Fund Management License and Certificate of Corporate Governance. Before joining Vina, she worked for 5 years at Shinhan Securities Vietnam from the early days when this financial institution operated in Vietnam, where she held the position of manager of the Legal Department. & Compliance and Strategy & Planning Division. Before that, Ms. Duyen also had 5 years of experience working at Avnet Technology Solutions Vietnam (a member of Avnet Inc.) in the Legal & Compliance Division.</i></p>	
--	--	--

Các thành viên ban điều hành được hưởng thu nhập bao gồm tiền lương và các chế độ bảo hiểm như mọi nhân viên làm việc tại Vina Securities, ngoài ra không có quyền lợi gì khác.
All members of the board are entitled to salary and other insurance policies similarly to all other employees at Vina Securities, and no other benefits.

1.2. Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management:* (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ *(List the changes in the Board of Management of the year).*

- Bà Huỳnh Ngọc Duyên được bổ nhiệm giữ chức Trưởng Phòng Pháp Chế & Tuân Thủ kể từ ngày 14/02/2020.
Ms. Huynh Ngoc Duyen was appointed as Manager of Legal & Compliance division from February 14th, 2020.
- Bà Huỳnh Ngọc Duyên được bổ nhiệm vị trí Kiểm Soát Nội Bộ kể từ ngày 27/02/2020.
Ms. Huynh Ngoc Duyen was appointed as the Internal Controller from February 27th, 2020.
- Ông Na Sungsoo được bổ nhiệm giữ chức Tổng Giám Đốc thay cho ông Hoàng Minh Sơn kể từ ngày 27/07/2020.
Mr. Na Sungsoo was appointed as General Director in place of Mr. Hoang Minh Son from July 27th, 2020.

- Ông Han Munsu được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng Giám Đốc kể từ ngày 07/08/2020.

Mr. Han Munsu was appointed as Deputy General Director from August 7th, 2020.

1.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.

Đến hết năm 2020, tổng số lượng cán bộ, nhân viên của Vina Securities là 28 người bao gồm thành viên Ban Tổng Giám Đốc. Đối với Vina Securities, 2020 là một năm đầy những thách thức, không chỉ với khối kinh doanh mà còn cho toàn bộ khối hỗ trợ. Bối cảnh bệnh dịch đã phần nào ảnh hưởng đến chính sách dành cho người lao động của công ty trong năm vừa qua.

By the end of 2020, the total number of employees of Vina Securities is 28, including members of the Board of Management. 2020 was a year full of challenges, not only for the business sector but also for the entire supporting team. The epidemic background has somewhat affected the company's employees' policies in the past year.

1.3.1. Tuyển dụng/ Recruitment:

Không khác biệt với các doanh nghiệp bị tác động bởi đại dịch, Vina Securities trong năm 2020 đã phải tạm hoãn hàng loạt kế hoạch mở rộng kinh doanh dẫn đến nhu cầu tuyển dụng trong năm đã có thay đổi so với lúc ban đầu. Chỉ một số vị trí chủ chốt được tuyển mới nhằm duy trì việc vận hành doanh nghiệp hiệu quả nhất.

Not different from businesses affected by the pandemic, Vina Securities in 2020 had to postpone a series of business expansion plans, leading to a change in recruitment demand during the year compared to the original. Only a few key positions are recruited to keep the business running at its best.

Kết quả tuyển dụng năm 2020 có 2 nhân sự được tuyển mới là nhân sự cấp quản lý thuộc bộ phận hỗ trợ để việc vận hành doanh nghiệp được chuyên nghiệp hơn. Bên cạnh đó, do tính chất đặc thù của ngành tài chính chứng khoán, các vị trí nghiệp vụ vẫn có tỉ lệ biến động cao nhất với 6 vị trí được tuyển thay thế. Tính đến thời điểm 31/12/2020, tổng số nhân sự tại VNSC là 28 người trong đó trụ sở chính: 22 người và văn phòng Hà Nội: 6 người.

The recruitment results in 2020, with 2 newly recruited employees who are management personnel in the supporting team to professionalize the operation of the business. Besides, due to the specific nature of the financial and securities industry, the professional positions still have the highest rate of volatility with 6 positions were recruited to replace those resigned. As of December 31, 2020, the total number of employees at VNSC is 28 people, of which Head office: 22 people and representative office: 6 people.

1.3.2. Đãi ngộ và phúc lợi/ Remuneration and benefits:

Chế độ phúc lợi và đãi ngộ của Vina Securities gắn liền với tình hình kinh doanh. Với bối cảnh kinh doanh đang trong bước đầu hoạch định và lên kế hoạch, chính sách lương vượt trên mặt bằng chung của thị trường phần nào bù đắp lại cho người lao động trong thời gian đầu cũng như vừa đủ sức thu hút, khuyến khích, tạo động lực cho nhân viên, vừa đảm bảo sự công bằng cạnh tranh với các công ty khác.

The benefits and remuneration of Vina Securities are closely related to the business situation. With the business context still in the beginning of planning, the salary policy exceeding the market level partly compensates for the employees during this initial stage as well as being attractive and encouraging enough to motivate the employees while ensuring fairness and competition with other companies.

Đặc biệt chú trọng đến việc mang lại cho người lao động những chính sách phúc lợi tạo sự gắn kết bền lâu với Công ty. Vina Securities vẫn tiếp tục nghiêm ngặt tuân thủ việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của nhà nước, đồng thời triển khai khám sức khỏe thường niên cho người lao động tại cơ sở y tế có uy tín. Kế hoạch lâu dài về phương diện bảo hiểm của Vina Securities là trang bị thêm bảo hiểm nhân thọ hoặc bảo hiểm khám sức khỏe tư nhân cho toàn bộ người lao động.

Vina Securities specially focuses in providing the employees with Benefit policies to create a long-term connection with the Company. We continue to strictly comply with the requirement of the Authorities about social insurance, health insurance and unemployment insurance, at the same time deploying annual health checks for employees at reputable medical facilities. The long-term insurance plan of Vina Securities is to add life insurance or private health care insurance for all employees.

Bên cạnh đó, người lao động còn được hưởng các khoản phúc lợi bằng tiền hoặc tặng phẩm, được phân bổ đồng đều cho toàn bộ nhân sự của Công ty vào các dịp Lễ, Tết. Mặc dù vẫn đang trong giai đoạn xây dựng, có thể nói các chính sách phúc lợi đang áp dụng hiện nay là yếu tố gia tăng sự gắn kết của người lao động đối với Công ty, góp phần cho sự phát triển của Vina Securities.

In addition, the employees are also entitled to monetary or gift benefits, equally distributed to all Employees of the Company on special occasions such as public holidays and New Year events. Although it is still in the construction stage, it can be said that the current remuneration scheme is one of the factors that increases the connection of employees to the Company and contributing to the development of Vina Securities.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn / *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/*specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons in case of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

➤ Trong năm 2020, công ty không thực hiện các khoản đầu tư lớn nào.
In year 2020, there is no any significant investment by company

b) Các công ty con, công ty liên kết / *Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/*(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).*

➤ Không có/*none*

4. Tình hình tài chính

Financial situation

a) Tình hình tài chính
Financial situation

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm/ % <i>change</i>
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản / <i>Total asset</i>	222,123,520,622	41,189,164,217	-81.46%
Doanh thu thuần / <i>Net revenue</i>	61,365,610,333	6,446,829,480	-89.49%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / <i>Profit from business activities</i>	7,160,236,524	-69,289,465,871	-1067.70%
Lợi nhuận khác / <i>Other profits</i>	-618,822,972	15,240,412	-102.46%
Lợi nhuận trước thuế / <i>Profit before tax</i>	6,541,413,552	-69,274,225,459	-1159.01%
Lợi nhuận sau thuế / <i>Profit after tax</i>	6,541,413,552	-69,274,225,459	-1159.01%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức / <i>Payout ratio</i>			

<p>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/<i>Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i></p> <p>Tổng giá trị tài sản / <i>Total asset value</i></p> <p>Doanh thu / <i>Revenus</i></p> <p>Thuế và các khoản phải nộp / <i>Taxes and payables</i></p> <p>Lợi nhuận trước thuế / <i>Before tax profit</i></p> <p>Lợi nhuận sau thuế / <i>After tax profit</i></p>			
--	--	--	--

- Các chỉ tiêu khác/ *Other figures:* (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ *depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
Major financial indicators:

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú/ <i>Note</i>
<p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio:</i></p> <p>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio:</i></p> <p>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset - Inventories</i> <i>Short term Debt</i></p>	179.00%	1335.78%	
<p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)</p>	51.00%	3.69%	

+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu (Debt/Owner's Equity ratio)	104.00%	3.83%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover:	0.00%	0.00%	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)			
+ Vòng quay tổng tài Sản/Total asset turnover:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (Net revenue/ Average Total Assets)	28.00%	15.40%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	11.00%	-109212.73%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	6.00%	-17462.64%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio)	3.00%	-16818.56%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần (Profit from business activities/ Net revenue Ratio)	12.00%	-452.32%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Shareholders' structure, change in owner's equity.

- a) Cổ phần/ Shares: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or

underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

➤ Tổng số cổ phần: 27.359.998 cổ phần

Total number of shares: 27,359,998 shares

➤ Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Type of shares: common shares

➤ Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 27.359.998 cổ phần

Number of freely transferable shares: 27,359,998 shares

- b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ *Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and Individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.*

100% cổ đông công ty là cổ đông nước ngoài, trong đó Cổ đông tổ chức nắm giữ 39.99% vốn điều lệ, cổ đông cá nhân nắm giữ 60.01% vốn điều lệ; 60% số lượng cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ.

100% of the company's shareholders are foreign shareholders, in which Institutional Shareholders hold 39.99% of the charter capital, individual shareholders hold 60.01% of the charter capital; 60% of the shareholders number hold more than 5% of the charter capital.

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thường, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)/*specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, Issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

Không có/ *none*

- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury*

stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties.

➤ *Không/none*

- e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues.*

➤ *Không/ none*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty *Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company*

6.1. Tác động lên môi trường:

Impact on the environment

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: không

Total direct and indirect GHG emission: none

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: không

Measures and initiatives to reduce GHG emission: none

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Management of raw materials:

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*
- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

6.3. Tiêu thụ năng lượng/*Energy consumption*

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly.*

- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.4. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

Water consumption (water consumption of business activities in the year)

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/*Water supply and amount of water used.*
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/*Percentage and total volume of water recycled and reused.*
 - Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Vina hiện tại đang sử dụng nguồn cung cấp nước chính từ tòa nhà chủ quản và chủ yếu phục vụ nhu cầu vệ sinh cá nhân của nhân viên.
Vina Securities JSC uses the water supply form the building for the employee's personal needs.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Compliance with the law on environmental protection:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*
 - Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Vina tuân thủ đầy đủ các quy định có liên quan đến luật môi trường.
Vina Securities JSC fully complies with regulations related to environment law.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

Policy on employees

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động
Number of employees, average wages of workers.

- Số lượng lao động tại ngày 31.12.2020/ *Number of employees as at 31 December 2020: 26 (không bao gồm Ban Tổng Giám Đốc/excluding the Board of Management)*
 - Mức lương trung bình đối với người lao động/ *Average wages of employees: 27 triệu/ tháng/ 27 million VND/ month*
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.
- Chính sách khám sức khỏe thường niên cho người lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.
Labor policies of commencing annual health check for all employees to ensure health, safety and welfare of workers.
- c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*
- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên
The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff
 - Trong năm 2020, kế hoạch đào tạo kỹ năng cho nhân viên bị tạm hoãn do thay đổi trong tình hình kinh doanh ảnh hưởng trực tiếp bởi đại dịch.
In 2020, the skills training plan for employees is delayed due to changes in business situation directly affected by pandemic.
 - Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp
The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.
 - Công ty đăng ký các lớp đào tạo chuyên môn Chứng khoán cho các nhân viên chưa có chứng chỉ hành nghề Chứng khoán nhằm khích lệ toàn bộ nhân viên có chứng chỉ.
The Company registered of securities training courses for employees who do not have a Securities practice certificate to encourage all employees to have a certificate.
 - Công ty còn khuyến khích các nhân viên tăng cường trau dồi kiến thức trong lĩnh vực làm việc bằng cách hỗ trợ học phí cho các khóa học có liên quan.
The company also encourages employees to enhance their knowledge in the field of work by supporting tuition fees for related courses.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Report on responsibility for local community.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.

- Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

The Company does not have any community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

REPORTS AND ASSESSMENTS OF THE BOARD OF MANAGEMENT

(Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty / the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/*General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).*

- Sau khi có sự thay đổi 100% cơ cấu chủ sở hữu công ty vào năm 2019, tất cả mọi kế hoạch hoạt động của Công ty trong năm 2020 bị trì hoãn, trong đó một trong các kế hoạch cần thiết và quan trọng đối với công ty là việc tiếp cận, làm việc trực tiếp với nhà đầu tư nước ngoài để thảo luận và chuẩn bị nền tảng tài chính cho việc xây dựng công ty trong chặng đường sắp tới. Nguyên nhân chính là do đại dịch COVID19 làm cản trở việc kết nối với các nhà đầu tư nước ngoài, các nhà đầu tư muốn tìm hiểu về thị trường Việt Nam nhưng các đường bay quốc tế đã bị thu hẹp hoạt động nên việc di chuyển gặp nhiều khó khăn & trở ngại.

After a 100% change in ownership structure in 2019, all Company operational plans for 2020 were delayed, including the direct approach to foreign investors to build a financial foundation for the Company which is essential to our operation. The main reason for this delay is that the COVID19 pandemic has disrupted the connection with foreign investors, and investors interested in Vietnamese market have many difficulties traveling due to limited international flights.

- Dẫn đến kết quả hoạt động của Công ty gần như là không có doanh thu, trong khi vẫn phải tiếp tục duy trì cơ sở vật chất hạ tầng và nhân sự cơ bản để đáp ứng tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

This leads to almost no revenue in our business results while having to maintain basic infrastructure and human resources to meet relevant regulations of the law.

2. Tình hình tài chính

Financial Situation

a) Tình hình tài sản/Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).*

Tổng giá trị tài sản của Công ty biến động lớn giữa thời điểm đầu năm (222.123.520.622 VNĐ) và thời điểm cuối năm (41.189.164.217 VNĐ) do sự thay đổi về việc nắm giữ các vị thế tài sản tài chính, cụ thể là trái phiếu doanh nghiệp với tổng giá trị 126.828.100.000 VNĐ. Ngoài ra, mặc dù đã tối ưu hóa trong việc sử dụng chi phí, nhưng khoản lỗ về chi phí quản lý và hoạt động doanh nghiệp là yếu tố góp phần làm giảm tổng giá trị tài sản.

Total assets of the Company significantly fluctuated between the beginning of the year (VND 222,123,520,622) and the end of the year (VND 41,189,164,217) due to changes in positions of financial assets holding of corporate bonds with a total value of VND 126,828,100,000. In addition, although it has been optimized in the use of costs, the loss in administration and operating costs is a contributing factor to the decrease in total asset value.

b) Tình hình nợ phải trả/Debt Payable

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Các khoản nợ phải trả của Công ty là nằm trong kế hoạch và đảm bảo được dự phòng thanh toán.

The Company's liabilities are within the plan and guaranteed reserved payment.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/*Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.*

- Công ty không có các khoản nợ phải trả quá hạn làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

The Company does not have overdue liabilities that affecting the Company's business and operations.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Improvements in organizational structure, policies, and management.

- Năm 2020, mặc dù các kế hoạch về tài chính bị trì hoãn nhưng Công ty cũng đã từng bước xây dựng lại các chính sách, quy định, quy trình phục vụ việc tổ chức hoạt động của công ty, từ cơ bản đến chi tiết, cụ thể.

In 2020, although the financial plans of the Company have been delayed but the Company has gradually rebuilt policies, regulations and processes for the organization and operation of the company, from basic to the details and specific.

- Đồng thời, Công ty cũng đã thu hẹp cơ cấu tổ chức và cắt giảm nhân sự nhằm giảm chi phí không cần thiết cho Công ty.

At the same time, the Company also narrowed down the organizational structure and decrease the number of personnel to reduce the inefficiency costs for the Company.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in future

- Chiến lược kinh doanh tập trung chủ yếu vào khối khách hàng tổ chức nước ngoài. Đồng thời đẩy mạnh hợp tác với các đối tác trong nước để đem lại nguồn doanh thu cho Công ty.

Business strategy focuses primarily on foreign institutional customers. At the same time, the Company are promoting cooperation with domestic partners to create more revenue.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)

Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).

- Không/none

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Assessment on environmental and social responsibilities of the Company

- a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/
Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).

- b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/*Assessment concerning the labor issues*

- c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Assessment concerning the corporate responsibility for the local community*

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (đối với công ty cổ phần)

ASSESSMENTS OF THE BOARD OF DIRECTORS ON THE COMPANY'S OPERATION (for joint stock companies)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

Trong năm 2020, HĐQT đã có sự thay đổi lớn về nhân sự chủ chốt. Việc thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị trực tiếp điều hành là lý do chủ quan và khách quan, cũng như tính nghiêm trọng của tình hình dịch bệnh Covid19 là nguyên nhân chính dẫn đến việc trì hoãn thực hiện các kế hoạch hoạt động của Công ty trong năm 2020.

The BOD had a significant change in the key leader. The change of the Chairman in the midyear as well as the severity of the Covid19 epidemic were the main reasons leading to the delay in the implementation of the operation plans of the Company in 2020.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance

Hai (02) thành viên HĐQT cũng là thành viên Ban Tổng Giám đốc nên HĐQT luôn trực tiếp chỉ đạo thực hiện các nội dung nghị quyết của HĐQT và của ĐHĐCĐ.

Two (02) members of the BOD are acting as the member of the BOM, therefore the BOD always directly give directions to implement the resolutions of the General Shareholders' Meeting.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Plans and orientations of the Board of Directors.

Trong năm 2021, HĐQT sẽ tăng cường thực hiện vai trò quản lý và giám sát theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao phó. Cụ thể như sau:

In 2021, the BOD will strengthen the roles of management as assigned by the general shareholders, as follows:

- Lên phương án mới và hoàn tất việc phát hành riêng lẻ để tăng vốn vào Quý 3 năm 2021.
Make a new plan and complete the new plan of private placement to increase capital in quarter 3/2021.
- Đăng ký nghiệp vụ lưu ký, chuẩn bị cơ sở hạ tầng để kết nối với các Sở giao dịch và Quý 4 năm 2021.

Register custody business license and connect the trading system with the stock exchanges in the quarter 4/2021.

- Quản lý hiệu quả nguồn vốn và hiệu quả hoạt động sau khi hoàn tất việc phát hành tăng vốn, tuân thủ đúng quy định pháp luật và thực thi kịp thời các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Effectively manage the capital of Company after completing the private placement; comply with the laws and promptly implement the resolutions approved by the GSM.

- Tiếp tục rà soát, chuẩn hóa và cập nhật, ban hành mới một cách toàn diện hệ thống chính sách, quy định, quy chế quản lý hoạt động của Công ty, duy trì chế độ giám sát việc thực thi các quy định này.

Review, update, promulgate and standardize a comprehensive system of policies, internal regulations and maintain a regime of supervising the implementation of these regulations.

- Duy trì chế độ họp định kỳ, sẵn sàng họp đột xuất, thực hiện trao đổi thông tin thường xuyên giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc hoặc Ban kiểm soát.

Maintain the regular meeting regime, be ready for irregular meeting at the demand, keep the regular information exchange between the BOD and the BOM/Supervisory Board.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY CORPORATE GOVERNANCE

1. Hội đồng quản trị/Board of Directors

- a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ *Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/(*The list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies*).

STT Order	Họ và tên Full name	Chức vụ Position	Số lượng cổ phần nắm giữ Owning shares			Hình thức Status	Thay đổi Changes	Chức danh nắm giữ tại Công ty khác
			Cá nhân Individual	Đại diện Representative	Tỷ lệ Ratio (%)			
1	Kim Taehyung	Chủ tịch Chairman	4,440,000	0	16.23	Không điều hành Non- executive	26/02/2019	-
		TV Member		0			16/07/2019	-
2	Han Munsu	TV Member	0	0	0	Điều hành Executive	26/02/2019	-
3	Lee Hojoon	TV Member	740,000	0	2.7	Không điều hành	26/02/2019	-

						Non-executive		
4	Lee Sangyup	TV Member	1,775,000	0	6.49	Không điều hành Non-executive	26/02/2019	-
		Chủ tịch Chairman		0			16/07/2019	-
		TV Member		0			12/05/2020	-
5	Na Sungsoo	TV Member	2,295,000	0	8.39	Điều hành Executive	16/07/2019	-
		Chủ tịch Chairman		0			12/05/2020	-

- b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*the committees of the Board of Directors*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee*).
- Chưa có/*not implemented yet*
- c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results*.

STT Order	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày/Date	Nội dung/ Content
1	01/2020/NQ-HĐQT	20/04/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt kết quả Báo cáo tài chính Quý 1/2020 - Đề cử người đại diện theo pháp luật – Chủ tịch Hội đồng quản trị mới: Ông Na Sungsoo - <i>Approving the results of the Financial Report of Quarter 1 of 2020</i> - <i>Nomination of the new legal representative - Chairman of the BOD: Mr. Na Sungsoo</i>
2	02/2020/NQ-HĐQT	27/07/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả BCTC Quý 2/2020 - Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty với ông Hoàng Minh Sơn. - Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty cho ông Na Sungsoo. - <i>Approving the financial statements of Quarter 2/2020.</i>

			<ul style="list-style-type: none"> - <i>Dismissing Mr. Hoang Minh Son from the position of General Director of the Company</i> - <i>Appointing Mr. Na Sungsoo as the General Director of the Company.</i>
3	03/2020/NQ-HĐQT	07/08/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua cơ cấu tổ chức phòng ban trong Công ty. - Thông qua Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2020 và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30.06.2020 được soát xét - Thông qua việc bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc - Thông qua phương án chào bán cổ phần riêng lẻ tăng vốn điều lệ để trình ĐHĐCĐ xem xét và phê duyệt. - <i>Approving the Company's organizational structure</i> - <i>Approving the reviewed 6-month financial statement of 2020 and the liquidity ratio report as at 30.06.2020</i> - <i>Approving the appointment of the Chief Operating Officer</i> - <i>Approving the private to be submitted to the General Meeting of Shareholders for approval.</i>
4	04-01/2020/NQ-HĐQT	31/08/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ nhiệm ông Na Sungsoo kiêm nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc điều hành. - Quy định quyền hành và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc. - <i>Appointing Mr. Na Sungsoo to act concurrently as Chairman and CEO.</i> - <i>Stipulating rights and responsibilities of the General Director.</i>
5	04/2020/NQ-HĐQT	24/11/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả BCTC Quý 3/2020 - Thông qua việc rút nghiệp vụ tự doanh chứng khoán - <i>Approving the financial statements of Quarter 3/2020</i> - <i>Approving the withdrawal of securities self-trading operations.</i>

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ *Activities of the Board of Directors independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results*).

➤ Công ty không tổ chức hoạt động dưới hình thức thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

The independent member of BOD is not applied to the current management operation of the Company.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*the list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.*

➤ Không có/ *none*

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

Board of Supervisors/Audit Committee

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company*).

STT <i>Order</i>	Họ và tên <i>Full name</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Số lượng cổ phần nắm giữ <i>Owning shares</i>		
			Cá nhân <i>Individual</i>	Đại diện <i>Representative</i>	Tỷ lệ <i>Ratio (%)</i>
1	Lee Changho	Trưởng ban/ <i>Head</i>	370.000	0	1.35
2	Trần Nguyễn Khánh Tường	Thành viên/ <i>Member</i>	0	0	0
3	Phạm Trịnh Bích Ngọc	Thành viên/ <i>Member</i>	0	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ *Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Supervisors/*

Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors'/ Audit Committee's meetings, their contents and results).

- Là năm đầu tiên của tổ chức hoạt động Ban kiểm soát, Ban kiểm soát đã cố gắng hoàn thành vai trò và nhiệm vụ trong khả năng cho phép. Ban kiểm soát nhận được sự hợp tác từ các thành viên Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện vai trò và nhiệm vụ của mình trong việc kiểm tra và đánh giá việc thực hiện báo cáo tài chính của công ty qua các kỳ.

For the first year of organizing the activities of the Supervisory Board, the Supervisory Board tried to fulfill the roles and duties within our capacity. Well receiving the cooperation from members of the Board of Directors in implementing our roles and duties in inspecting and evaluating the performance of the company's financial statements over the period.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee

- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits;* (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained).*

- Tổng chi phí thù lao và các khoản lợi ích khác cho Hội đồng quản trị trong năm 2020 là 14 tỷ đồng.

The total remuneration and other benefits for the Board of Directors in 2020 is VND 14 billion.

- b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/*Share transactions by internal persons:* (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói

trên/*Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons).*

➤ Tháng 10/2020: Giao dịch chuyển nhượng của cổ đông nắm giữ từ 10% vốn điều lệ. Ông Lee Sangyup chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần tương đương 3,65% vốn điều lệ của Công ty cho Ông Na Sungsoo.

October 2020: Share transfer by shareholder holding at least 10% charter capital. Mr. Lee Sangyup transfer 1,000,000 shares which is equivalent to 3.65% of the Company's charter capital to Mr. Na Sungsoo.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right.*

➤ Không có/ *none*

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the Implementation of regulations on corporate governance: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance, specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance).*

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH *FINANCIAL STATEMENTS*

1. Ý kiến kiểm toán *Auditor's opinions*

Kiểm toán viên đã đưa ý kiến chấp nhận toàn phần cho Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020.

Auditors gave opinion true and fair view of in all material respects, the financial position as at 31 Dec 2020.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/ *Audited financial statements* (attached)

(Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/ *Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided).*

Nơi nhận:

Recipients:

- SSC

- Lưu/ *filing*

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Signature, full name and stamp)



NA SUNGSOO

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINACAP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 42

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Lee Sang Yup	Chủ tịch	16/7/2019	12/5/2020
Ông Na Sungsoo	Chủ tịch	12/5/2020	
Ông Na Sungsoo	Thành viên	16/7/2019	12/5/2020
Ông Kim Taehyung	Thành viên	16/7/2019	
Ông Hàn Mun Su	Thành viên	26/02/2019	
Ông Lee Ho Joon	Thành viên	26/02/2019	
Ông Hoàng Minh Sơn	Thành viên	12/09/2017	26/02/2019
<u>Ban kiểm soát</u>			
Ông Lee Chang Ho	Trưởng ban	14/4/2020	
Bà Phạm Trịnh Bích Ngọc	Thành viên	14/4/2020	
Bà Trần Nguyễn Khánh Tường	Thành viên	14/4/2020	
<u>Tổng giám đốc</u>			
Ông Hoàng Minh Sơn	Tổng Giám đốc	14/9/2017	27/7/2020
Ông Na Sungsoo	Tổng Giám đốc	27/7/2020	

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Na Sungsoo, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Thay mặt Hội đồng quản trị



NA SUNGSOO - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021, từ trang 6 đến trang 42, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 20 tháng 02 năm 2020.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN CAO HOÀI THU - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0474-2018-037-1

LÊ THỊ BÍCH NGỌC - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1817-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B01-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		20.293.194.765	199.762.593.466
I. Tài sản tài chính	110		19.474.147.365	196.556.140.807
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1	18.935.800.558	11.842.425.871
1.1. Tiền	111.1		3.935.800.558	6.842.425.871
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		15.000.000.000	5.000.000.000
2. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	V.3a	-	50.000.000.000
3. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	V.3b	-	520.251.881
4. Các khoản phải thu	117	V.3c	136.232.879	134.096.921.015
4.1 Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	V.4a	-	126.828.100.000
4.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	V.4b	136.232.879	7.268.821.015
4.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	6.482.496.438
4.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		136.232.879	786.324.577
5. Trả trước cho người bán	118	V.4c	234.976.988	73.919.100
6. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	V.4d	110.000.000	-
7. Các khoản phải thu khác	122	V.4e	57.136.940	22.622.940
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		819.047.400	3.206.452.659
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.5a	413.446.660	3.014.525.159
2. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	V.6a	99.500.000	191.927.500
3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		306.100.740	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		20.895.969.452	22.360.927.156
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.602.782.483	2.112.506.880
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.563.355.111	1.780.340.191
Nguyên giá	222		1.816.830.000	1.816.830.000
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(253.474.889)	(36.489.809)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	2.039.427.372	332.166.689
Nguyên giá	228		2.189.180.900	373.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(149.753.528)	(40.833.311)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		17.293.186.969	20.248.420.276
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	V.6b	3.352.423.900	2.082.644.600
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	V.5b	13.940.763.069	18.165.775.676
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		41.189.164.217	222.123.520.622

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		1.519.200.640	113.179.331.586
I.	Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.519.200.640	111.854.331.586
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	320		-	106.444.055.237
2.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.9	310.142.369	2.759.438.115
3.	Phải trả người lao động	323		1.055.991.932	2.323.119.238
4.	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324	V.10	51.674.000	113.224.000
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.11	47.272.727	45.454.545
6.	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		54.119.612	169.040.451
II.	Nợ phải trả dài hạn	340		-	1.325.000.000
	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351		-	1.325.000.000
D.	VỐN CHỦ, SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		39.669.963.577	108.944.189.036
I.	Vốn chủ sở hữu	410		39.669.963.577	108.944.189.036
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.12	273.599.980.000	273.599.980.000
1.1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		273.599.980.000	273.599.980.000
2.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		254.998.000	254.998.000
3.	Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)	417	V.13	(234.185.014.423)	(164.910.788.964)
3.1.	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(234.175.910.500)	(164.910.788.964)
3.2.	Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(9.103.923)	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)		440		41.189.164.217	222.123.520.622

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Ngoại tệ các loại	005	V.14a		
<i>USD</i>			43.366	-
<i>KRW</i>			823.655	-
2. Cổ phiếu đang lưu hành	006	V.14b	27.359.998	27.359.998
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1 Tiền gửi của khách hàng	026	V.14c	186.426.694	186.146.125
1.1 <i>Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	027		186.426.694	186.146.125
2. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	V.14d	186.426.694	186.146.125
2.1 <i>Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	031.1		186.426.694	186.146.125

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021

**NÀ SUNGSOO**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị**VŨ THỊ TRÂM ANH**
Kế toán trưởng**VŨ THỊ TRÂM ANH**
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MÁU B02-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		-	23.841.887.466
<i>a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	01.1	VI.1	-	23.841.887.466
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	VI.2	2.426.384.684	-
1.3. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04	VI.2	1.662.360.841	-
1.4. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	VI.3	1.325.000.000	175.000.000
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	VI.3	3.000.000	-
1.6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	VI.3	926.308.445	-
1.7. Thu nhập hoạt động khác	11	VI.3	-	2.000.000
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -> 11)	20		6.343.053.970	24.018.887.466
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		32.051.591.086	27.522.353.757
<i>a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	21.1	VI.1	32.051.591.086	27.522.353.757
2.2. Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28	VI.4	1.350.056.703	2.068.767.870
2.3. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	VI.4	220.000.000	98.543.434
2.4. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	VI.4	1.412.616.467	1.432.660.916
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -> 32)	40		35.034.264.256	31.122.325.977
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	VI.5	96.898.789	3.896.750
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	VI.5	6.876.721	37.342.826.117
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44)	50		103.775.510	37.346.722.867
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51	VI.6	198.967.450	19.492.681
4.2. Chi phí lãi vay	52	VI.6	-	17.014.260
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 -> 55)	60		198.967.450	36.506.941
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VI.7	40.503.063.645	23.046.540.891
VII KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20+50-40-60-61-62)	70		(69.289.465.871)	7.160.236.524

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
VIII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71		15.379.364	59.003
8.2. Chi phí khác	72		138.952	618.881.975
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71-72)	80	VI.8	15.240.412	(618.822.972)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		(69.274.225.459)	6.541.413.552
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		(69.265.121.536)	6.541.413.552
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(9.103.923)	-
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		-	-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VI.9	-	-
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	VI.9	-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		(69.274.225.459)	6.541.413.552
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300			
Tổng thu nhập (lỗ) toàn diện khác	400		-	-
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	VI.10a	(2.532)	304
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	502	VI.10b	(2.532)	304

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021




VŨ THỊ TRÂM ANH
 Kế toán trưởng


VŨ THỊ TRÂM ANH
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B03-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		(69.274.225.459)	6.541.413.552
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		182.795.697	(38.053.896.633)
- Khấu hao TSCĐ	03		325.905.297	58.239.801
- Chi phí lãi vay	06		-	17.014.260
- (Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(6.876.721)	(37.342.826.117)
- Dự thu tiền lãi	08		(136.232.879)	(786.324.577)
3. Tăng các chi phí tiền tệ	10		-	-
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		-	-
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		77.994.108.628	(87.939.242.633)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		-	-
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		50.000.000.000	(50.000.000.000)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		520.251.881	(520.251.881)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		126.828.100.000	(126.828.100.000)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		7.268.821.015	(184.230.136)
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(110.000.000)	-
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		(340.614.740)	(22.622.940)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		1.818.182	15.454.545
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		6.826.091.106	(21.178.396.389)
- (-) Lãi vay đã trả	44		-	(17.014.260)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(106.605.113.125)	106.628.415.554
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		(61.550.000)	113.224.000
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm chi phí lãi vay phải trả)	47		(2.449.295.746)	2.588.472.963
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(1.267.127.306)	2.323.119.238
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(1.439.920.839)	1.491.177.873
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		279.600.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(1.456.951.800)	(2.348.491.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		8.902.678.866	(119.451.725.714)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(1.816.180.900)	(2.116.830.000)
2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		6.876.721	30.860.329.679
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(1.809.304.179)	28.743.499.679
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		-	88.599.980.000
2. Tiền vay gốc	73		-	4.034.533.100
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		-	(4.034.533.100)
3.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		-	(4.034.533.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		-	88.599.980.000
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		7.093.374.687	(2.108.246.035)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	V.1	11.842.425.871	13.950.671.906
- Tiền	101.1		6.842.425.871	13.950.671.906
- Các khoản tương đương tiền	101.2		5.000.000.000	-
V. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	103	V.1	18.935.800.558	11.842.425.871
- Tiền	103.1		3.935.800.558	6.842.425.871
- Các khoản tương đương tiền	103.2		15.000.000.000	5.000.000.000
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104		(9.103.923)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>	20		-	-
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30	V.14c	186.426.694	186.146.125
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		186.426.694	186.146.125
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		186.426.694	186.146.125
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	V.14c	186.426.694	186.146.125
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		186.426.694	186.146.125
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		186.426.694	186.146.125

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021



VŨ THỊ TRÂM ANH
Kế toán trưởng


VŨ THỊ TRÂM ANH
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B04-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/ giảm		Số cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay
I. Biến động vốn chủ sở hữu	V.12	185.000.000.000	273.599.980.000	-	-	273.599.980.000	273.599.980.000
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu							
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		185.000.000.000	273.599.980.000	-	-	273.599.980.000	273.599.980.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		254.998.000	254.998.000	-	-	254.998.000	254.998.000
3. Lợi nhuận chưa phân phối	V.13	(171.452.202.516)	6.541.413.552	-	(69.274.225.459)	(164.910.788.964)	(234.185.014.423)
3.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(171.452.202.516)	6.541.413.552	-	(69.265.121.536)	(164.910.788.964)	(234.175.910.500)
3.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-	(9.103.923)	-	(9.103.923)
Cộng		13.802.795.484	108.944.189.036	95.141.393.552	(69.274.225.459)	108.944.189.036	39.669.963.577

II. Thu nhập toàn diện khác

Cộng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021


VŨ THỊ TRÂM ANH
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

VŨ THỊ TRÂM ANH
 Kế toán trưởng

VŨ THỊ TRÂM ANH
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B09-CTCK

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina tên tiếng Anh là Vina Securities Joint Stock Company, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0103015219 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006 và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các Giấy phép điều chỉnh như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC-UBCK ngày 29 tháng 8 năm 2019, chuẩn y việc dời trụ sở từ Tầng 6, Số 6B, Phố Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội về P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Kim Tachyung sang ông Lee Sang Yup, chức danh Chủ tịch HĐQT;
- Giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 9 năm 2019, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 185.000.000.000 VND lên 273.599.980.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 10 năm 2019, chuẩn y việc tăng việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh;
- Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 7 năm 2020, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Lee Sang Yup sang ông Na Sungsoo, chức danh Chủ tịch HĐQT;
- Giấy phép điều chỉnh số 83/GPĐC-UBCK ngày 15 tháng 12 năm 2020, chuẩn y việc rút nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

Ngoài ra, Công ty còn được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép mở các văn phòng đại diện và các giao dịch như sau:

- Quyết định số 01/QĐ-UBCK ngày 02 tháng 01 năm 2020, cho phép Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina được thành lập Văn phòng đại diện tại Hà Nội;
- Công văn số 1347/UBCK-QLKD ngày 6 tháng 3 năm 2020, cho phép Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina được thành lập văn phòng đại diện tại Hàn Quốc;
- Quyết định số 672/QĐ-UBCK ngày 19 tháng 10 năm 2020, chấp thuận cho giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu phần trăm cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina bao gồm của cổ đông ông Lee Sangyup và ông Na Sungsoo.

• **Vốn pháp định:** 35.000.000.000 VND

• **Vốn điều lệ** : 273.599.980.000 VND

Số cổ phiếu : 27.359.998 cổ phiếu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

• Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-028) 35202388

Mail : contact@vina securities.com

Mã số thuế : 0 1 0 2 1 2 2 6 1 7

• Văn phòng đại diện

Tại Hà Nội

Địa chỉ: Lô số F 1602 A, Tầng 16, Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Tại Hàn Quốc

Địa chỉ: Tầng 09 (Deachi - dong), số 504 Teheran - ro, Gangnam - gu, Seoul, Hàn Quốc

2. Ngành, nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

3. Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán

Theo Điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về “Hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán” và các sửa đổi bổ sung theo Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 như sau:

- 1) Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- 2) Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- 3) Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- 4) Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- 5) Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại Điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
- a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty thực hiện;
 - b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
 - c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 42 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này và Điểm e Khoản 4 Điều này.
- 6) Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn một (01) năm.

4. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 phản ánh lỗ 69.274.225.459 VND, lỗ tăng đáng kể so với năm trước lãi 6.541.413.552 VND, chủ yếu lỗ từ hoạt động đầu tư mua các trái phiếu chưa niêm yết 32.051.591.086 VND. Ngoài ra, chi phí quản lý công ty chứng khoán năm nay tăng 17.456.522.754 VND liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty gia tăng trong năm, trong đó chủ yếu là do mở rộng hoạt động Văn phòng đại diện Công ty tại Seoul, quỹ lương năm 2020 được tính đủ 12 tháng, trong khi năm 2019 việc tuyển dụng nhận sự chỉ mới bắt đầu từ tháng 4 năm 2019.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Một số số liệu so sánh của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được phân loại lại (xem chi tiết tại Thuyết minh số VIII.3).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nhân viên Công ty

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 26 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 30 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 thuộc kỳ kế toán năm thứ 14 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về “Sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210”, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán yêu cầu Hội đồng quản trị có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính (ngoài bảng).

4. Tài sản tài chính

a) Phân loại tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại dựa trên bản chất và mục đích sở hữu vào ngày mua, bao gồm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS).

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tài sản tài chính FVTPL bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL phát sinh sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu “Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL” nếu chênh lệch tăng, hoặc trên chỉ tiêu “Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL” nếu chênh lệch giảm.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phát sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phát sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính phi phát sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc xác định, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành áp dụng cho Công ty chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của khoản cho vay đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính AFS các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán; hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty, trừ trường hợp các tài sản tài chính là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, tiếp tục ghi nhận theo giá gốc.

Chênh lệch đánh giá lại phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chi tiêu "Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán" thuộc khoản mục "Thu nhập (lỗ) toàn diện khác sau thuế TNDN".

b) Đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Hội đồng quản trị chấp nhận. Cụ thể:

- Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Hội đồng quản trị đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá thị trường của các chứng khoán này.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị ghi sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá chứng khoán.

c) Dự phòng suy giảm tài sản tài chính

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM và AFS

Các tài sản tài chính HTM và AFS được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày Báo cáo tài chính.

Dự phòng được lập cho việc suy giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014.

Tăng hoặc giảm dự phòng (hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM và AFS được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

Dự phòng suy giảm các khoản cho vay

Các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi các khoản cho vay. Tăng hoặc giảm dự phòng (hoàn nhập dự phòng) các khoản cho vay khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ tương ứng trên chỉ tiêu “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay” và giảm trừ trực tiếp giá trị khoản cho vay.

d) Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - + Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản; hoặc
 - + Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn chưa được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

e) Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu “Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)” hoặc chỉ tiêu “Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại”.

Phân loại lại do thay đổi dự định nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Nếu tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại vào nhóm cho vay và phải thu, trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và các khoản tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải được định giá theo giá hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu “Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)” hoặc chỉ tiêu “Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại”.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu bao gồm phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, lãi dự thu về dịch vụ tài chính, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá, đã mở thủ tục pháp sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ trên một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ trên hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Tăng hoặc giảm dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

6. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Các hợp đồng mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các hợp đồng bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là khoản tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại trong tương lai được ghi nhận là thu nhập lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty thực hiện.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	5

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị các phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán,.. là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm vào sử dụng. Các phần mềm chứng khoán, phần mềm kế toán,.. được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong từ 5 năm đến 8 năm.

9. Thuê hoạt động

Các khoản thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm: chi phí cải tạo văn phòng, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn góp của chủ sở hữu từ phát hành cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.
- Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.		

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm.

Các quỹ khác được trích lập theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên của Công ty.

13. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tư doanh của CTCK (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu cổ tức cổ phiếu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi thực thu.

Doanh thu hoạt động nhận ủy thác, đầu giá

Doanh thu hoạt động nhận ủy thác, đầu giá được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi thực thu.

Doanh thu tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi ích mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí các năm trước; khoản nợ phải trả hay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại và các khoản thu nhập khác.

14. Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, chi phí hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chi phí dự phòng tài sản tài chính, chi phí đi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán, bao gồm: các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay và phải thu, các tài sản tài chính AFS.

Chi phí hoạt động tự doanh

Chi phí hoạt động tự doanh phản ánh các chi phí hoạt động của Công ty chứng khoán phát sinh khi tự tiến hành các dịch vụ mua bán các chứng khoán cho chính mình bằng nguồn vốn của chính Công ty chứng khoán.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn, chi phí hoạt động đấu giá, ủy thác, chi phí lưu ký chứng khoán và chi phí khác.

Chi phí hoạt động bao gồm lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, chi phí hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chi phí dự phòng tài sản tài chính, chi phí đi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán, bao gồm: các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay và phải thu.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn, chi phí hoạt động đấu giá, ủy thác, chi phí lưu ký chứng khoán và chi phí khác.

15. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền	3.935.800.558	6.842.425.871
Tiền mặt tại quỹ	35.613.613	20.859.327
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	3.900.186.945	6.821.566.544
Các khoản tương đương tiền (i)	15.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	18.935.800.558	11.842.425.871

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng cổ phần thương mại lãi suất 3,9% /năm (năm 2019: 5%/năm).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm**

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a) Cửa CTCK	308.984	304.447.501.199
Trái phiếu	308.984	304.447.501.199
b) Cửa Nhà đầu tư	-	-
Cổ phiếu	-	-
Cộng	<u>308.984</u>	<u>304.447.501.199</u>

3. Các loại tài sản tài chính**a) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	-	50.000.000.000
Cộng	-	<u>50.000.000.000</u>

b) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	520.251.881	520.251.881
Cộng	-	-	<u>520.251.881</u>	<u>520.251.881</u>

4. Các khoản phải thu

a) Phải thu bán các tài sản tài chính	-	126.828.100.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Smartinvest	-	126.828.100.000
b) Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	136.232.879	7.268.821.015
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		6.482.496.438
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	136.232.879	786.324.577
c) Trả trước cho người bán	234.976.988	73.919.100
d) Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	110.000.000	-
e) Các khoản phải thu khác	57.136.940	22.622.940
Phải thu BHXH	34.514.000	-
Các khoản phải thu khác (*)	22.622.940	22.622.940
Cộng	<u>538.346.807</u>	<u>134.193.463.055</u>
Trong đó, phải thu khác là bên liên quan (*)	<u>2.093.400</u>	<u>2.093.400</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	413.446.660	3.014.525.159
Chi phí thuê đường truyền dẫn	-	131.546.720
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	413.446.660	2.882.978.439
b) Dài hạn	13.940.763.069	18.165.775.676
Chi phí cải tạo văn phòng	438.694.157	683.767.197
Các chi phí trả trước dài hạn khác	13.502.068.912	17.482.008.479
Cộng	14.354.209.729	21.180.300.835

6. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược

a) Ngắn hạn	99.500.000	191.927.500
Ký quỹ thuê văn phòng, nhà	56.800.000	154.127.500
Ký quỹ sử dụng taxi	20.000.000	15.000.000
Ký quỹ học trường tiếng Anh	22.700.000	22.700.000
Ký quỹ sử dụng thẻ tín dụng	-	100.000
b) Dài hạn	3.352.423.900	2.082.644.600
Ký quỹ thuê văn phòng, nhà	3.352.423.900	2.082.644.600
Cộng	3.451.923.900	2.274.572.100

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.463.809.091	353.020.909	1.816.830.000
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	1.463.809.091	353.020.909	1.816.830.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	12.198.409	24.291.400	36.489.809
Tăng trong năm	146.380.908	70.604.172	216.985.080
Khấu hao trong năm	146.380.908	70.604.172	216.985.080
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	158.579.317	94.895.572	253.474.889
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.451.610.682	328.729.509	1.780.340.191
Số cuối năm	1.305.229.774	258.125.337	1.563.355.111

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán của Công ty, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 năm đến 8 năm.

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	373.000.000	1.816.180.900	-	2.189.180.900
Giá trị hao mòn lũy kế	40.833.311	108.920.217	-	149.753.258
Giá trị còn lại	332.166.689	1.707.260.683	-	2.039.427.372

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT đầu ra	100.000	12.016	112.016	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.759.338.115	4.692.529.440	7.141.725.186	310.142.369
<i>Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư</i>	<i>917.091.255</i>	<i>170.101.748</i>	<i>1.084.057.120</i>	<i>3.135.883</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên</i>	<i>1.815.802.416</i>	<i>4.516.377.492</i>	<i>6.025.173.422</i>	<i>307.006.486</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân của CTV</i>	<i>26.444.444</i>	<i>6.050.200</i>	<i>32.494.644</i>	<i>-</i>
Các loại thuế khác	-	74.146.496	74.146.496	-
<i>Thuế nhà thầu</i>		<i>70.146.496</i>	<i>70.146.496</i>	<i>-</i>
<i>Thuế môn bài</i>		<i>4.000.000</i>	<i>4.000.000</i>	<i>-</i>
Cộng	2.759.438.115	4.766.687.952	7.215.983.698	310.142.369

• Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng

- Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT
- Hoạt động khác chịu thuế suất 10%

• Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế môn bài hàng năm theo qui định.

10. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	-	65.042.000
Bảo hiểm y tế	24.309.000	21.897.000
Bảo hiểm thất nghiệp	27.365.000	26.285.000
Cộng	51.674.000	113.224.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí dịch vụ	47.272.727	45.454.545
Cộng	47.272.727	45.454.545

12. Vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, vốn điều lệ của Công ty là 273.599.980.000 VND đã được các cổ đông góp đủ đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Tên cổ đông	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Giá trị cổ phần	Số cổ phần	Tỷ lệ	Giá trị cổ phần
Ông Kim Taehjung	4.440.000	16,23%	44.400.000.000	4.440.000	16,23%	44.400.000.000
Ông Beak Sang Jun	1.665.000	6,09%	16.650.000.000	1.665.000	6,09%	16.650.000.000
Ông Lee Ho Joon	740.000	2,70%	7.400.000.000	740.000	2,70%	7.400.000.000
Ông Byun Jae Kyung	740.000	2,70%	7.400.000.000	740.000	2,70%	7.400.000.000
Bà Kim Najoung	1.665.000	6,09%	16.650.000.000	1.665.000	6,09%	16.650.000.000
Ông Na Sungsoo	2.295.000	8,39%	22.950.000.000	1.295.000	4,73%	12.950.000.000
Ông Yang Seunggeun	1.295.000	4,73%	12.950.000.000	1.295.000	4,73%	12.950.000.000
Bà Kim Kye Suk	925.000	3,38%	9.250.000.000	925.000	3,38%	9.250.000.000
Ông Rha Jin Chul	925.000	3,38%	9.250.000.000	925.000	3,38%	9.250.000.000
Ông Lee Changho	370.000	1,35%	3.700.000.000	370.000	1,35%	3.700.000.000
Ông Rah Young Chang	1.665.000	6,09%	16.650.000.000	1.665.000	6,09%	16.650.000.000
Ông Lee Sangyup	1.775.000	6,49%	17.750.000.000	2.775.000	10,14%	27.750.000.000
Aprogen KIC Inc.	3.940.000	14,40%	39.400.000.000	3.940.000	14,40%	39.400.000.000
Abpro Bio Co., Ltd.	2.359.998	8,63%	23.599.980.000	2.359.998	8,63%	23.599.980.000
Micro Tech Co., Ltd.	2.560.000	9,36%	25.600.000.000	2.560.000	9,36%	25.600.000.000
Cộng	27.359.998	100,00%	273.599.980.000	27.359.998	100,00%	273.599.980.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.359.998	27.359.998
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.359.998	27.359.998

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu phổ thông	27.359.998	27.359.998
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.359.998	27.359.998
Cổ phiếu phổ thông	27.359.998	27.359.998
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

13. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ lũy kế đầu năm	(164.910.788.964)	(171.452.202.516)
Lợi nhuận (lỗ) đã thực hiện trong năm	(69.265.121.536)	6.541.413.552
Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện trong năm	(9.103.923)	-
Lỗ lũy kế cuối năm	<u>(234.185.014.423)</u>	<u>(164.910.788.964)</u>

14. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính**a) Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Ngoại tệ	Tương đương VND	Ngoại tệ	Tương đương VND
USD	43.366	996.767.510	-	-
KRW	823.655	17.387.357	-	-
Cộng		<u>1.014.154.867</u>		<u>-</u>

b) Cổ phiếu đang lưu hành

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu đang lưu hành	27.359.998	27.359.998
Cộng	<u>27.359.998</u>	<u>27.359.998</u>

c) Tiền gửi của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	186.426.694	186.146.125
Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	186.426.694	186.146.125
Cộng	<u>186.426.694</u>	<u>186.146.125</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

d) Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	186.426.694	186.146.125
Cộng	<u>186.426.694</u>	<u>186.146.125</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: VND

1. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

Stt	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán bình quân	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước
I	Lãi bán						
	Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	23.841.887.466
	Cộng						23.841.887.466
II	Lỗ bán						
	Trái phiếu chưa niêm yết	154.742	881.843	136.458.080.997	168.509.672.083	(32.051.591.086)	(27.522.353.757)
	Cộng			136.458.080.997	168.509.672.083	(32.051.591.086)	(27.522.353.757)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

	Năm nay	Năm trước
Từ tài sản tài chính FVTPL	-	23.841.887.466
Từ các khoản đầu tư HTM	2.426.384.684	-
Từ các khoản đầu tư AFS	1.662.360.841	-
Cộng	4.088.745.525	23.841.887.466

3. Doanh thu ngoài thu nhập TSTC

Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	1.325.000.000	175.000.000
Doanh thu hoạt động Lưu ký chứng khoán	3.000.000	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	926.308.445	-
Doanh thu khác	-	2.000.000
Cộng	2.254.308.445	177.000.000

4. Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	1.350.056.703	2.068.767.870
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	220.000.000	98.543.434
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1.412.616.467	1.432.660.916
Cộng	2.982.673.170	3.599.972.220

5. Doanh thu hoạt động tài chính

Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	96.898.789	3.896.750
<i>Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã thực hiện</i>	96.898.789	3.896.750
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	37.288.121.808
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	6.876.721	54.704.309
Cộng	103.775.510	37.346.722.867

6. Chi phí tài chính

Lãi vay ngân hàng	-	17.014.260
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	198.967.450	19.492.681
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện</i>	189.863.527	19.492.681
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	9.103.923	-
Cộng	198.967.450	36.506.941

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	21.043.011.874	9.333.187.656
Chi phí vật tư, văn phòng phẩm	71.967.403	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	517.391.254	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	265.905.297	48.239.801
Chi phí thuế, phí và lệ phí	71.896.739	23.083.334
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.118.402.872	6.372.572.814
Chi phí khác	6.414.488.206	7.269.457.286
Cộng	40.503.063.645	23.046.540.891

8. Lợi nhuận khác

Thu nhập khác	15.379.364	59.003
Xử lý công nợ	15.379.364	59.003
Chi phí khác	138.952	618.881.975
Xử lý công nợ	138.952	3.555.225
Phạt chậm nộp thuế	-	615.326.750
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	15.240.412	(618.822.972)

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận (lỗ) trước thuế điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(69.274.225.459)	6.541.413.552
Điều chỉnh lợi nhuận (lỗ) kế toán:	36.288.533	(36.672.795.058)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	36.288.533	615.326.750
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(37.288.121.808)
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	-	-
Thuế suất áp dụng	(69.237.936.926)	(30.131.381.506)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	20%	20%

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các khoản lỗ mang sang là 101.257.793.356 VND có thể bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong thời hạn 5 năm kể từ khi phát sinh. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho các khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về thu nhập trong tương lai, chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Quyết toán thuế	Lỗ tính thuế	Năm hết hạn
Năm 2016	Đã quyết toán	1.888.474.924	Năm 2021
Năm 2019	Chưa quyết toán	30.131.381.506	Năm 2024
Năm 2020	Chưa quyết toán	69.237.936.926	Năm 2025
Cộng		101.257.793.356	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Lãi (lỗ) trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi (lỗ) trên cổ phiếu cơ bản và lãi (lỗ) trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(69.274.225.459)	6.541.413.552
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(69.274.225.459)	6.541.413.552
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>27.359.998</u>	<u>21.509.972</u>
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	<u>(2.532)</u>	<u>304</u>

b) Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(69.274.225.459)	6.541.413.552
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận (lỗ) thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	(69.274.225.459)	6.541.413.552
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>27.359.998</u>	<u>21.509.972</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	<u>27.359.998</u>	<u>21.509.972</u>
Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	<u>(2.532)</u>	<u>304</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như sau :

Các bên liên quan

Ông Lee SangYup

Ông Na SungSoo

Ông Han Munsu

Ông Lee Chang Ho

Ông Lee Ho Joon

Ông Hoàng Minh Sơn

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT đã miễn nhiệm

Chủ tịch HĐQT

Thành viên HĐQT

Trưởng ban kiểm soát

Thành viên HĐQT

Tổng Giám đốc đã miễn nhiệm

Trong năm có phát sinh giao dịch với các liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tạm ứng quản lý</i>		-
Ông Na SungSoo	44.952.187	-
Ông Han Munsu	3.023.000	-
Ông Lee Chang Ho	959.068.390	-
Ông Hoàng Minh Sơn	10.741.600	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau :

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu khác</i>		
Ông Lee Ho Joon	2.093.400	2.093.400

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập tiền lương, thưởng	12.254.610.250	7.824.730.389
Cộng	12.254.610.250	7.824.730.389

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, quỹ dự phòng và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), các khoản phải thu, và cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.935.800.558	11.842.425.871
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	50.000.000.000
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	520.251.881
Các khoản phải thu	246.232.879	134.096.921.015
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	3.451.923.900	2.274.572.100
Cộng	<u>22.633.957.337</u>	<u>198.734.170.867</u>
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	-	106.444.055.237
Chi phí phải trả	47.272.727	45.454.545
Các khoản phải trả, phải nộp khác	54.119.612	169.040.451
Cộng	<u>101.392.339</u>	<u>106.658.550.233</u>

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay chịu rủi ro chủ yếu khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này cũng như đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về yếu tố của các công cụ tài chính trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chỗ kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày Báo cáo tài chính là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu là các khoản phải thu) và hoạt động tài chính (chủ yếu là khoản tiền gửi ngân hàng).

Các khoản phải thu

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Hội đồng quản trị.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này, rủi ro tín dụng được đánh giá là không đáng kể.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được xếp hạng tín dụng cao ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi Bộ phận ngân quỹ/ Bộ phận Nguồn vốn và kinh doanh tài chính của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.935.800.558	-	-	18.935.800.558
Các khoản phải thu	246.232.879	-	-	246.232.879
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	99.500.000	3.352.423.900	-	3.451.923.900
Cộng	19.281.533.437	3.352.423.900	-	22.633.957.337
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	-	-	-	-
Chi phí phải trả	47.272.727	-	-	47.272.727
Các khoản phải trả, phải nộp khác	54.119.612	-	-	54.119.612
Cộng	101.392.339	-	-	101.392.339
Chênh lệch thanh khoản thuần	19.180.141.098	3.352.423.900	-	22.532.564.998
Số đầu năm				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.842.425.871	-	-	11.842.425.871
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	520.251.881	-	-	520.251.881
Các khoản phải thu	134.096.921.015	-	-	134.096.921.015
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	191.927.500	2.082.644.600	-	2.274.572.100
Cộng	196.651.526.267	2.082.644.600	-	198.734.170.867
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	106.444.055.237	-	-	106.444.055.237
Chi phí phải trả	45.454.545	-	-	45.454.545
Các khoản phải trả, phải nộp khác	169.040.451	-	-	169.040.451
Cộng	106.658.550.233	-	-	106.658.550.233
Chênh lệch thanh khoản thuần	89.992.976.034	2.082.644.600	-	92.075.620.634

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hội đồng quản trị đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Hội đồng quản trị tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

3. Số liệu so sánh

Một số chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, chi tiết như sau:

Báo cáo tình hình tài chính

	Số đầu năm (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số đầu năm (Được trình bày lại)
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	7.268.821.015	(786.324.577)	6.482.496.438
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	-	786.324.577	786.324.577
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện (lỗ lũy kế)	(161.888.109.415)	(3.022.679.549)	(164.910.788.964)
Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện	(3.022.679.549)	3.022.679.549	-

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm trước (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm trước (Được trình bày lại)
Dự thu tiền lãi	(970.554.713)	184.230.136	(786.324.577)
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	-	(184.230.136)	(184.230.136)

4. Sự kiện phát sinh sau kết thúc kỳ kế toán

Vào ngày 8 tháng 02 năm 2021, Ủy ban Chứng khoán chấp thuận cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina được phép đóng cửa Văn phòng đại diện tại Hà Nội tọa lạc tại Lô số F1602A, tầng 16 tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy Hà Nội.

Ngoài sự kiện nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021


NA SUNGSOO
Chủ tịch Hội đồng quản trị


VŨ THỊ TRÂM ANH
Kế toán trưởng


VŨ THỊ TRÂM ANH
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính